

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tàu Cuốc (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty cổ phần Tàu Cuốc là Công ty cổ phần, được chuyển đổi cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty thi công cơ giới thủy - Đầu tư và xây dựng. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần mã số doanh nghiệp 0300565610 ngày 27/12/2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 16/9/2011, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Đào mới, nạo vét kênh rạch, cửa khẩu công trình thủy lợi, cửa sông, bến cảng. San lấp mặt bằng, bồi đắp công trình, xây dựng công trình thủy lợi trên hệ thống kênh; Xây dựng công trình thủy lợi, giao thông, dân dụng, công nghiệp. Nạo vét luồng, cảng, sông, biển. Xây dựng phần thủy công của công trình thủy điện. Xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư.
- Khai thác, vận tải vật liệu xây dựng, vật tư chuyên dùng.
- Lắp đặt các cánh van, cửa cống, hệ thống lan can của công trình giao thông, thủy lợi, cầu sắt giao thông và các chi tiết phục vụ cho các công trình giao thông, thủy lợi.
- Mua bán tàu, xe, máy thiết bị chuyên dùng và phụ tùng, vật tư cho đóng mới, sửa chữa tàu, xe, máy. Mua bán vật tư, phụ tùng, thiết bị giao thông và xây dựng.
- Đóng mới, cải hoán, sửa chữa vỏ tàu chuyên dùng, xà lan và phương tiện vận tải thủy bộ.
- Gia công phục hồi phụ tùng trong lĩnh vực cơ giới thủy lục.
- Dạy nghề.
- San lấp mặt bằng, bồi đắp công trình.
- Sửa chữa xe, tàu, máy chuyên dùng.
- Đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh nhà.
- Sản xuất các loại cánh van, cửa cống, hệ thống lan can của công trình giao thông, thủy lợi, cầu sắt giao thông và các chi tiết phục vụ cho các công trình giao thông, thủy lợi;

Trụ sở chính của Công ty tại số 16/9 đường Bùi Văn Ba, P. Tân Thuận Đông, Quận 7, Tp Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng), tổng số cổ phiếu là 2.500.000 cổ phiếu với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHÓA SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

| | |
|----------------------|----------|
| Ông Đặng Kim Ái | Chủ tịch |
| Ông Đỗ Đại Hải | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Trọng Hải | Ủy viên |
| Ông Thái Hữu Vinh | Ủy viên |
| Ông Cao Thế Trung | Ủy viên |

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

| | | |
|-------------------------|-------------------|----------------------------|
| Ông Huỳnh Văn Chánh Tâm | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/07/2012 |
| Ông Cao Thế Trung | Tổng Giám đốc | Miễn nhiệm ngày 01/07/2012 |
| Ông Lê Văn Tiến | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2012 |
| Ông Đỗ Đại Hải | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Thái Hữu Vinh | Phó Tổng Giám đốc | |
| Ông Hoàng Việt Thắng | Kế toán trưởng | |

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính, trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận tính đầy đủ, hiện hữu và giá trị của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, công nợ phải thu phải trả tại ngày 31/12/2012 trên Báo cáo tài chính của Công ty, chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ của mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Công ty và phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu trên cơ sở thận trọng nhất;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tàu Cuốc phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

Tp Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 5 năm 2013

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Đặng Kim Ái

Tp Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 5 năm 2013

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Huỳnh Văn Chánh Tâm

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và những ảnh hưởng của nó (nếu có) đến các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính thì, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Tàu Cuốc tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định hiện hành về kế toán có liên quan.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN
HÀ NỘI - CHI NHÁNH HÀ NỘI**



Giám đốc

Bùi Quang Hợp

Chứng chỉ KTV số: 1796/KTV

Kiểm toán viên

Đình Thế Hùng

Chứng chỉ KTV số: 1917/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 | 01/01/2012 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 155.641.774.958 | 128.286.868.939 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 37.752.210.828 | 14.438.072.322 |
| 1. Tiền | 111 | V.01 | 37.752.210.828 | 14.438.072.322 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu | 130 | | 87.028.148.904 | 82.747.206.057 |
| 1. Phải thu của khách hàng | 131 | V.02 | 80.197.714.782 | 79.024.872.213 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 1.257.748.874 | 1.295.721.781 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ HĐXD | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 138 | V.03 | 5.572.685.248 | 2.426.612.063 |
| 6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*) | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 23.966.747.296 | 26.230.785.268 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.04 | 23.966.747.296 | 26.230.785.268 |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 6.894.667.930 | 4.870.805.292 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 2.147.351.115 | - |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 259.914.605 | 191.101.123 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | V.05 | - | - |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.06 | 4.487.402.210 | 4.679.704.169 |
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 27.525.668.076 | 28.703.561.342 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 27.510.668.076 | 27.688.561.342 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.07 | 8.811.150.168 | 10.979.530.984 |
| - Nguyên giá | 222 | | 180.394.522.933 | 182.611.168.766 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế(*) | 223 | | (171.583.372.765) | (171.631.637.782) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | | - | - |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.08 | 18.699.517.908 | 16.709.030.358 |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | V.09 | - | 1.000.000.000 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | | - | 1.000.000.000 |
| 4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*) | 259 | | - | - |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 15.000.000 | 15.000.000 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.10 | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 15.000.000 | 15.000.000 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 183.167.443.034 | 156.990.430.281 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 | 01/01/2012 |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 154.302.497.145 | 126.552.722.482 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 154.280.497.145 | 126.530.722.482 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.11 | 31.370.000.000 | 21.921.277.500 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 43.634.206.497 | 46.155.574.461 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 26.701.867.838 | 24.916.898.100 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.12 | 5.159.798.245 | 7.929.457.683 |
| 5. Phải trả công nhân viên | 315 | | 4.634.754.371 | 3.144.225.992 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo kế hoạch tiến độ HĐXD | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 319 | V.13 | 42.331.269.531 | 20.813.747.932 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | | - | - |
| 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi | 323 | | 448.600.663 | 1.649.540.814 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 22.000.000 | 22.000.000 |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | V.14 | 22.000.000 | 22.000.000 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | | - | - |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| B. VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 28.864.945.889 | 30.437.707.799 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | V.15 | 28.864.945.889 | 30.437.707.799 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 25.000.000.000 | 25.000.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | - | - |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu ngân quỹ | 414 | | - | - |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | 594.051.680 | 498.412.745 |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | 482.905.703 | 345.079.229 |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận chưa phân phối | 420 | | 2.787.988.506 | 4.594.215.825 |
| II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác | 430 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 183.167.443.034 | 156.990.430.281 |

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2012 | 01/01/2012 |
|--|-------|-------------|------------|------------|
| 1. Tài sản thuê ngoài | 001 | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | 002 | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi | 003 | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | 004 | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại | 007 | | - | - |
| - USD | | | 293,95 | 293,64 |
| - EUR | | | 285,95 | 285,71 |
| 6. Dự toán chi hoạt động | 008 | | - | - |

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Tp Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc




Hoàng Việt Thắng

Hoàng Việt Thắng

Huỳnh Văn Chánh Tâm

224
ÔNG
KHIEU
M TON
DAN
HI NH
HA
MA

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.16 | 125.557.676.262 | 133.193.098.404 |
| 2. Các khoản giảm trừ | 02 | | - | - |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 125.557.676.262 | 133.193.098.404 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.17 | 108.269.504.302 | 114.307.949.620 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 17.288.171.960 | 18.885.148.784 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.18 | 1.441.816.641 | 900.812.708 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.19 | 3.251.972.777 | 2.612.706.389 |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 3.251.972.777 | 2.612.706.389 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | | 13.142.709.575 | 11.866.687.477 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 2.335.306.249 | 5.306.567.626 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | | 3.074.581.594 | 1.367.170.770 |
| 12. Chi phí khác | 32 | | 1.288.399.236 | 536.062.460 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | 1.786.182.358 | 831.108.310 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 4.121.488.607 | 6.137.675.936 |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | VI.20 | 1.333.500.101 | 1.543.460.111 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN | 60 | | 2.787.988.506 | 4.594.215.825 |

Tp Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc




Hoàng Việt Thắng

Hoàng Việt Thắng

Huỳnh Văn Chánh Tâm

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp
Năm 2012

Đơn vị tính: đồng

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-----------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | 138.278.789.038 | 131.128.694.657 |
| 2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | 02 | (116.813.643.834) | (113.391.265.172) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | (15.441.696.151) | (19.599.709.672) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | (3.251.922.777) | (2.612.706.389) |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 | (2.183.740.054) | (374.182.138) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 | 17.758.533.262 | 1.383.407.132 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | (1.861.447.903) | (5.727.607.858) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | 16.484.871.581 | (9.193.369.440) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác | 21 | (4.108.627.481) | (867.363.000) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác | 22 | 1.561.616.420 | 331.379.167 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | - |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | - | - |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | 1.261.300.000 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 1.119.335.486 | 900.812.708 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (166.375.575) | 364.828.875 |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | - |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 90.370.000.000 | 53.590.000.000 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (80.921.277.500) | (44.868.722.500) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | (2.453.080.000) | (2.628.300.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 6.995.642.500 | 6.092.977.500 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ | 50 | 23.314.138.506 | (2.735.563.065) |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | 14.438.072.322 | 17.173.635.387 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ | 70 | 37.752.210.828 | 14.438.072.322 |

Tp Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2013

Người lập biểu



Trần Thị Liên

Kế toán trưởng



Hoàng Việt Thắng

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Chánh Tâm